TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HS-ST
Ngày 20-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Thanh
Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Đặng Quốc B, sinh năm 1988 tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp TPB, xã TLT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn) 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Đặng Quốc Việt và bà Lâm Thị Màu; vợ Phạm Thị T1 sinh năm 1992, bị cáo có 01 người con sinh năm 2008; tiền sự: không; tiền án: Không có; nhân thân: Tốt; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Văn T, địa chỉ: Ấp Long Công, xã Phú Lộc, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Phạm Thị T1, địa chỉ: Ấp 5B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

Trần Thị TG, địa chỉ: Ấp Long Công, xã Phú Lộc, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2018, bị cáo Đặng Quốc B biết được ông Trần Văn T đang gửi đơn thưa về việc bị người khác lừa đảo số tiền 540.000.000đồng tại Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Biết ông T muốn vụ việc lừa đảo được giải quyết sớm nên đã đưa ra thông tin giả là có quen biết với cán bộ Công an huyện Châu Thành A và kêu ông T đưa tiền để B dẫn cán bộ Công an

đi nhậu, nhờ giúp giải quyết sớm vụ việc của ông T. Tin lời của bị cáo B, ông T đã đưa cho B 1.000.000đồng. Một thời gian, B gọi điện thoại cho ông T kêu chuyển cho B số tiền 15.000.000đồng để đưa cho 03 cán bộ Công an huyện Châu Thành A giúp giải quyết sớm hồ sơ của ông T. Bị cáo B cho ông T số tài khoản 7005205103459 của vợ bị cáo là Phạm Thị T1 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Châu Thành A, Hậu Giang để ông T chuyển tiền vào. Ngày 11/01/2019, ông T chuyển vào tài khoản trên số tiền 15.000.000đồng. Sau đó, bị cáo B kêu T1 rút về đưa cho B và B tiêu xài cá nhân hết.

Ông T sau khi phát hiện bị Đặng Quốc B lừa đảo, vào ngày 03/6/2019 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A trình báo. Ngày 04/6/2019, Công an huyện Châu Thành A tiến hành mời bị cáo B lên làm việc và B đã thừa nhận việc đưa ra thông tin giả để lừa đảo chiếm đoạt của ông T số tiền 16.000.000đồng, đồng thời bị cáo B đã tự nguyện giao nộp 16.000.000đồng đã chiếm đoạt.

Vật chứng đã thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 Pro, màu Gold và 01 sim điện thoại số 0795.415.237.

- Tiền Việt Nam 16.000.000đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, Model RM-1134 và sim số 0766988662.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKS-HCTA ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã truy tố bị cáo Đặng Quốc B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Đặng Quốc B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phân tích hành vi, tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Quốc B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 năm đến 2 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bị hại 16.000.000đồng đã chiếm đoạt. Bị hại Trần Văn T không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với chị Phạm Thị T1 là người có số tài khoản nhận tiền của ông T chuyển cho B nhưng do không biết đó là tiền gì mà chỉ rút tiền giao cho B theo yêu cầu của B nên không đặt vấn đề xử lý.

Xử lý vật chứng: Ngày 19/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Trần văn

T số tiền 16.000.000đồng là tiền bị cáo B đã chiếm đoạt; trả lại cho bị cáo B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 Pro, màu Gold và 01 sim điện thoại số 0795.415.237 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, Model RM-1134 và sim số 0766988662 là điện thoại bị cáo B dùng để gọi cho ông T yêu cầu chuyển tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc khởi tố, điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A, việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố hình sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị TG, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của những người này, nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ôn T và bà Giang.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đặng Quốc B đều thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện. Đối chiếu lời thừa nhận của bị cáo với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án là phù hợp, chứng minh được như sau: Vào khoảng tháng 10/2019, bị cáo B đã đưa ra thông tin giả là có quen biết với cán bộ Công an huyện Châu Thành A có thể giúp bị hại T giải quyết nhanh vụ lừa đảo tiền mua lúa để ông T tin tưởng và chuyển tiền cho bị cáo hai lần tổng cộng là 16.000.000đồng. Tuy nhiên, trên thực tế bị cáo B không dùng tiền để đưa cho cán bộ Công an huyện Châu Thành A mà lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc cố ý đưa ra thông tin giả, tạo lòng tin cho bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng đến hình ảnh của Công an huyện Châu Thành A nên cần có hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo.

[2.2] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị

cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; bị cáo có ông ngoại là Lâm Văn Khen là liệt sĩ, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị hại yêu cầu miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử khi lượng hình cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[2.3] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[2.4] Xét yêu cầu của bị hại: Ngày 06 tháng 8 năm 2019, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên đối chiếu với Đều 29 của Bộ luật Hình sự quy định các căn cứ miễn trách nhiệm hình sự thì bị cáo B không đủ điều kiện để được miễn trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị hại.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn T đã nhận lại số tiền 16.000.000đồng bị chiếm đoạt mà bị cáo tự nguyện giao nộp, không yêu cầu bồi thương thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.6] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đối với số tiền 16.000.000đồng là tiền bị cáo B đã chiếm đoạt và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 Pro, màu Gold và 01 sim điện thoại số 0795.415.237 cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành A đã xử lý đúng nên không xem xét lại,

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, Model RM-1134 và sim số 0766988662 là điện thoại bị cáo B dùng để gọi cho ông T yêu cầu chuyển tiền là vật trực tiếp liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[2.7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Quốc B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Xử phạt bị cáo Đặng Quốc B 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 20 tháng 11 năm 2019

2. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang quản lý và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

3. Trong thời gian thử thách, bị cáo Đặng Quốc B cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

4. Về vật chứng: Áp dụng các Điều 46 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, Model RM-1134 và sim số 0766988662.

5. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn T đã nhận lại số tiền 16.000.000đồng bị chiếm đoạt, ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án bị cáo Đặng Quốc B phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Công an huyện Châu Thành A;
- UBND xã trường Long Tây;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên